TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HSST
Ngày 31 tháng 10 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG – TỈNH LÀO CAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lý Thị Minh Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Trường Minh
- Ông Nguyễn Đạt Cường

Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Hiền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương tham gia phiên toà: Ông Ngô Anh Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2017, tại Nhà văn hóa thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2017/HSST ngày 10 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M. Tên gọi khác: Bờm; Sinh ngày 19/10/1989, tại Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

- Nơi cư trú: Tổ dân phố Xóm Mới 2, thị trấn Mường Khương,huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết năm 2013) và bà Nguyễn Thị N.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 25/5/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (đến nay chưa được xóa án tích). Nhân thân: ngày 01/9/2008, Nguyễn Văn M bị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/8/2017, tạm giam ngày 17/8/2017 hiện tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

***Người bị hại:**

1.Chị Phạm Hải Y – SN 1993

Địa chỉ: Tổ dân phố XM2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

2.Cháu Vương Quỳnh N – Sinh năm 2002- Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của cháu N: Chị Vương Thị Tâm là mẹ đẻ cháu N - Địa chỉ: Tổ dân phố XM2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lào Cai. Có mặt

3.Chị Phạm Thị Mai P – SN 1988

Địa chỉ: Tổ dân phố XC1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt

4.Bà Nguyễn Thị M – SN 1959.

Địa chỉ: Tổ dân phố XC1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Văn M bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong thời gian từ ngày 04/8/2017 đến 08/8/2017, Nguyễn Văn M đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản:

Lần thứ nhất: Khoảng 15 giờ ngày 04/8/2017, Nguyễn Văn M đi qua nhà Phạm Hải Y, M nhìn thấy có 01 máy tính xách tay để ở trên bàn uống nước ở trong phòng khách nên nảy sinh ý định trộm cắp. Do cổng nhà bị khóa nên M trèo qua tường rào và đi vào trong nhà, vào trong phòng ngủ thì thấy chị Y và cháu Vương Quỳnh N đang ngủ trên giường. Lúc này M nhìn thấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO đang sạc pin ở đầu giường ngủ, M lấy trộm cho vào túi quần đang mặc, sau đó quay ra phòng khách lấy máy tính xách tay của chị Y rồi trèo tường qua lối cũ về nhà. Khi đi đến khu vực bờ hồ thuộc tổ dân phố XM2, thị trấn Mường Khương M lấy chiếc máy tính xách tay giấu vào bụi cỏ, còn chiếc điện thoại M tháo sim ra và cất vào trong túi quần. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, M đem chiếc điện thoại trộm cắp được bán cho Bùi Quang T với giá 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Đến ngày 07/8/2017, M đem máy tính xách tay trộm cắp được của Phạm Hải Y bán cho Lưu Văn B với giá 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

Vụ thứ 2: Khoảng 02 giờ ngày 08/8/2017, Nguyễn Văn M đi bộ từ nhà đến nhà bà Nguyễn Thị M, M dùng chìa khóa mở cửa đột nhập vào nhà và đi lên tầng 2 vào buồng ngủ của chị Phạm Thị Mai P lấy 01 điện thoại di động Iphone 5s và 01 máy tính xách tay rồi đi xuống. Khi đến tầng 1, M thấy 01 chiếc ví của bà Nguyễn Thị M để ở trong chiếc làn gần chân cầu thang, M mở ví ra xem thấy bên trong có tiền, nên đã lấy toàn bộ số tiền cho vào túi quần rồi đi về nhà. Khi về đến khu vực bờ hồ gần sân vận động huyện Mường Khương, M bỏ số tiền trộm cắp ra đếm được 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng), sau đó M tháo Sim của điện thoại vừa trộm cắp được ra và lắp Sim của mình vào rồi đi bộ đến cửa nhà anh Nguyễn Văn D và gọi điện thoại bảo anh D chở ra thành phố Lào Cai. Khi đến thành phố Lào Cai, M lấy 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) trả tiền Taxi cho anh D, sau đó M thuê xe ôm đi đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Phạm Văn Đ và đem chiếc máy tính xách tay trộm cắp được của chị P bán cho anh Đ với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Đến ngày 10/8/2017, M lấy chiếc điện thoại Iphone 5s bán cho Phạm Văn Đ với giá 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Đến ngày 11/8/2017, Nguyễn Văn M bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M bắt khẩn cấp.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 17 ngày 15/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện M Kết luận:

+ 01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO 1201, số IMEI1: 867764025332514; IMEI2: 867764025332506, mầu trắng, đã qua sử dụng. Có giá trị còn lại đến ngày 04/8/2017 là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

+ 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, vỏ màu đen, mã số TP550LD - CJ083H đã qua sử dụng. Có giá trị còn lại đến ngày 04/8/2017 là 7.949.500 đồng (Bảy triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng).

+ 01 Điện thoại di động mặt phía trước điện thoại có chữ Iphone, mầu gold, điện thoại đã qua sử dụng. Có giá trị còn lại tính đến ngày 08/8/2017 là 7.250.000 đồng (Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, màu vàng có giá trị còn lại tính đến ngày 08/8/2017 là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng)

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn M chiếm đoạt từ ngày 04/8/2017 và 08/8/2017 là 31.099.500 đồng (Ba mươi mốt triệu không trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Tại bản Cáo trạng số 19/KSĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện M tỉnh Lào Cai đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Lào Cai đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị:

-Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1, Điều 48 của Bộ luật hình sự; Xử phạt Nguyễn Văn M từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

-Về vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ một số tài sản, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản cho người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xác nhận.

-Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết. Đối với khoản tiền 3.600.000đ do M bán máy tính và điện thoại cho anh Phạm Văn Đ, quá trình điều tra anh Đ không yêu cầu bị cáo trả lại, tuy nhiên đây là số tiền bị cáo có được do phạm tội mà có nên cần truy thu để tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền M bán điện thoại cho Bùi Quang T, và số tiền bán máy tính cho Lưu Văn B, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ tài sản trả cho người bị hại. Về số tiền bị cáo bán tài sản trộm cắp được những người liên quan không yêu cầu bị cáo trả lại, các lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai tại phiên tòa anh B và Anh T đều khai là cho bị cáo số tiền đó nên không đề cập giải quyết.

-Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có tài sản, thu nhập.

-Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 99 của Bộ luật hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên án phí đối với bị cáo theo quy định.

Đối với Bùi Quang T, Lưu Văn B, Phạm Văn Đ là người đã mua tài sản trộm cắp của Nguyễn Văn M, tuy nhiên không biết đây là tài sản trộm cắp được,

sau khi phát hiện vụ việc, T và B đã tự nguyên giao nộp cho Cơ quan điều tra để trả lại tài sản cho người bị hại nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Phạm Văn Đ đã mua máy tính của M sau đó đã bán lại cho một người không biết địa chỉ, không thu hồi được tài sản trộm cắp được, tuy nhiên khi mua M nói là máy tính của M nên anh Đ đã mua, do không biết tài sản trộm cắp nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Trong các ngày 04/8 và 08/8/2017 Nguyễn Văn M đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể: Lần 1 vào ngày 04/8/2017 M vào nhà chị Phạm Hải Y lấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO, 01 máy tính xách tay hiệu ASUS có tổng giá trị là 8.949.500 đồng (Tám triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng); Lần 2 vào ngày 08/8/2017 M vào nhà bà Nguyễn Thị M lấy của chị Phạm Thị Mai P 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 5S, và 900.000VNĐ của bà Nguyễn Thị M, giá trị tài sản M đã chiếm đoạt lần 2 là 22.150.000đ (Hai hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng số tiền cả hai lần M chiếm đoạt được là 31.099.500 đồng (Ba mươi mốt triệu không trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Nguyễn Văn M trước Tòa án nhân dân huyện M để xét xử về tội danh và điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật. Nguyễn Văn M là người có khả năng nhận thức và hiểu biết pháp luật, biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của nhiều người, với tổng giá trị tài sản là 31.099.500 đồng (Ba mốt triệu không trăm chín chín nghìn năm trăm đồng). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2008 Bị cáo đã bị xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản đã được xóa án tích; Tại bản án số 06/2014/HSST ngày 25/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện Mường Khương tuyên phạt bị cáo 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản nhưng bị cáo chưa thi hành khoản tiền án phí theo quyết định của bản án nêu trên nên chưa được xóa án tích; lần phạm tội này, bị cáo đã thực hiện 2 vụ trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết "phạm tội nhiều lần, tái phạm" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy cần có hình phạt tương xứng, cách

ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1Điều 46 của Bộ luật hình sự do quá trình điều tra bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Quá trình xác minh tại địa phương bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản gì nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại là chị Phạm Hải Y, cháu Vương Quỳnh N đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Đối với số tiền 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) bị cáo lấy được của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên các lời khai tại cơ quan điều tra xác định bà M cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với chị Phạm Thị Mai P đã bị bị cáo lấy chiếc điện thoại di động và 01 chiếc máy tính, quá trình điều tra đã thu hồi điện thoại trả cho chị Phương, còn chiếc máy tính xách tay sau khi bán cho Đ, Đ đã bán cho người không rõ tên tuổi địa chỉ nên không thu hồi được, nhưng chị P không yêu cầu bồi thường; anh Đ đã tự nguyện nộp lại tài sản là điện thoại để trả cho bị hại và không có yêu cầu bị cáo bồi thường; số tiền bán chiếc máy tính xách tay và điện thoại là 3.600.000đ bị cáo đã chi tiêu hết, xét thấy đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu để tịch thu sung quỹ nhà nước là phù hợp.

Trong vụ án còn có Phạm Văn Đ, Bùi Quang T, Lưu Văn B là người đã mua điện thoại, máy tính do M trộm cắp được, tuy nhiên khi mua không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Về vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ một số tài sản là vật chứng của vụ án, tuy nhiên tài sản này thuộc quyền sở hữu của người bị hại, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng để trả lại cho người bị hại là đúng quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử xác nhận việc xử lý vật chứng trả lại tài sản cho người bị hại theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự.

Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ Luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Xử phạt Nguyễn Văn M 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 11/8/2017.

2.Về vật chứng:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự:

Xác nhận cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Mường Khương đã trả lại tài sản cho người bị hại theo quyết định xử lý vật chứng số 18 ngày 24/8/2017 như sau:

-Trả cho chị Phạm Hải Y 01 chiếc máy tính đã qua sử dụng

Trả cho cháu Vương Quỳnh N 01 chiếc điện thoại OPPO đã qua sử dụng

Trả cho chị Phạm Thị Mai P 01 điện thoại Iphone 5s đã qua sử dụng

Theo biên bản trả lại tài sản ngày 24/8/2017.

Áp dụng khoản 1 điều 41 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Truy thu để tịch thu sung quỹ nhà nước của Nguyễn Văn M số tiền là 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng chẵn)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lào Cai;
-VKSND tỉnh+huyện;
- Bị cáo;
- Công an huyện M 2;
- Thi hành án phạt tù;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND Thị trấn M;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ + TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lý Thị Minh Yên